TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS- ST
Ngày 22/12/2021
V/v "*T/c hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Đinh Chí Công**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*: **Bà Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2021, thông báo mở lại phiên tòa số: 39/2021/TB-TA, ngày 23/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Trần Văn Q, sinh năm 1980

- Bà Vương Thị Thanh Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Chiêm Thành L, sinh năm 1993 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2020)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh L có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: - Bà Danh Mỹ Y, sinh năm 1979

- Ông Tạ Đức Ph, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Bà Y và ông Ph vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th trình bày:

Vào năm 2019 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng bà Danh Mỹ Y, ông Tạ Đức Ph vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 03 tháng 5 năm 2019 vợ chồng bà Danh Mỹ Y, ông Tạ Đức Ph vay của ông bà số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, vợ chồng bà Y, ông Ph hứa đến ngày 15 tháng 5 năm 2019 sẽ trả đủ số tiền gốc và lãi cho ông bà.

Lần thứ hai: Ngày 10 tháng 6 năm 2019 vợ chồng bà Y, ông Ph tiếp tục vay của vợ chồng ông bà số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 5%/tháng; vợ chồng bà Y, ông Ph hứa đến ngày 10 tháng 02 năm 2020 sẽ trả đủ số tiền gốc và lãi.

Tổng cộng 02 lần vay, vợ chồng bà Danh Mỹ Y, ông Tạ Đức Ph đã vay của vợ chồng ông bà số tiền gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), việc vay tiền hai bên có làm biên nhận do bà Y ký tên. Nhưng hiện tại đã hết thời hạn trả nợ như đã cam kết, vợ chồng ông bà có nhiều lần đến nhà để yêu cầu bà Y, ông Ph trả nợ; nhưng vợ chồng bà Y, ông Ph cứ trốn tranh không chịu trả nợ trên.

Do đó, ông Trần Văn Q, bà Vương Thị Thanh Th yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc vợ chồng bà Danh Mỹ Y, ông Tạ Đức Ph có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền còn nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với tổng số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cụ thể như sau:

Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) kể từ ngày 03/5/2019 cho đến khi kết thúc vụ án. Tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) kể từ ngày 10/6/2019 cho đến khi kết thúc vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 31/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Danh Mỹ Y trình bày:

Vào năm 2018, bà có vay của vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th với số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà thừa nhận các biên nhận nợ là do bà ký nhưng thực tế bà chỉ vay một lần duy nhất với số tiền trên là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời gian qua bà có đóng tiền lãi cho vợ chồng ông Q, bà Th nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu và khi đóng tiền lãi cho vợ chồng ông Q, bà Th thì bà không có làm biên nhận trả tiền lãi và cũng không có ai chứng kiến việc trả lãi trên, nhưng chỉ nhớ khoảng 10

ngày thì bà đóng tiền lãi cho vợ chồng ông Q một lần, với số tiền khoảng 06 đến 07 triệu đồng mỗi lần đóng lãi. Sau khi vay 200 triệu thì khoảng một tháng sau đó vợ chồng bà có đem hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của 02 vợ chồng đến xin ông Q cho vợ chồng bà vay thêm 120 triệu để chuộc bằng khoán đất thì ông Q có hứa sẽ cho vợ chồng bà vay, nhưng sau đó ông Q không cho vợ chồng bà vay tiếp mà còn đem biên nhận 200 triệu lại cho bà ký, đối với 200 triệu theo biên nhận ngày 10/6/2019 là bà chỉ ký theo yêu cầu của ông Q chớ không có nhận tiền như ông Q trình bày.

Đối với chồng bà là anh Tạ Đức Ph thì biết là bà có vay tiền của ông Q, bà Th với số tiền 200.000.000 đồng để làm kinh tế sinh lời lo cho cả gia đình.

Nay ông Trần Văn Q, bà Vương Thị Thanh Th yêu cầu vợ chồng bà phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Q, bà Th số tiền vay gốc 400.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì số tiền trên không đúng với số tiền vay gốc thực tế. Bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông Q 200.000.000 đồng tiền gốc, không đồng ý trả lãi vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, không có khả năng trả trong một lần.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2020 bị đơn ông Tạ Đức Ph trình bày: Ông không có vay tiền của vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Vương Thị Thanh Th nhưng ông nghe bà Danh Mỹ Y nói lại là có vay tiền nhưng không thấy vợ ông mang tiền về. Ông chỉ nghe vợ ông nói là vay của ông bà Th số tiền 200.000.000đ nhưng cụ thể là thời điểm nào thì không biết. Sau đó ông biết vợ ông vay tiền của ông Q, bà Th từ sau Tết âm lịch năm 2020, ông không hỏi vợ ông vay số tiền đó nhằm mục đích gì. Hiện nay ông đồng ý trả số tiền 200.000.000đ mặc dù ông không có nhận tiền, nhưng ông xin trả dần số tiền này vì hiện nay vợ chồng ông đang trong hoàn cảnh khó khăn. Còn số tiền 200.000.000đ còn lại mà ông Q, bà Th khởi kiện thì ông không đồng ý trả.

- *Tại phiên tòa:* Anh Chiêm Thành L là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Danh Mỹ Y và ông Phạm Đức Ph phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 200.000.000 đồng thời gian tính lãi kể từ ngày 03/5/2019 và số tiền 200.000.000 đồng thời gian tính lãi từ ngày 10/6/2019 cho đến khi kết thúc vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện xin rút lại không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015 nên đề nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y trả số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th yêu cầu ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y phải trả nợ vay, đây là "*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ph và bà Y có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th về việc buộc vợ chồng ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y trả số tiền vay là 400.000.000 đồng và chứng cứ chứng minh là 02 biên nhận nợ do bà Yến ký vào ngày 03/5/2019 và ngày 10/6/2019. Tại phiên tòa, phía bị đơn vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Y cho rằng vào năm 2018, bà có vay của vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th với số tiền gốc là 200.000.000 đồng và chỉ vay một lần duy nhất nhưng ông Q, bà Th đưa bà ký 02 biên nhận, thực tế chỉ nhận đúng số tiền 200.000.000 đồng không có nhận 400.000.000 đồng như ông Q bà Th trình bày nên bà không đồng ý theo yêu cầu của vợ chồng ông Q. Đối với bị đơn ông Tạ Đức Ph cho rằng ông không trực tiếp đi vay tiền của ông Q, bà Th nhưng cũng thống nhất với lời trình bày của bà Y là vợ chồng ông chỉ nợ 200.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho ông Q, bà Th số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại ông không đồng ý. Bên cạnh đó, bà Y còn cho rằng trong thời gian vay tiền của ông Q, bà Th bà có đóng tiền lãi đầy đủ nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, khi đóng tiền lãi thì bà không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến việc trả tiền lãi trên, đồng thời bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Từ lời khai nhận của bị đơn đủ cơ sở để xác định giao dịch vay tài sản giữa hai bên là có thật; còn về chứng cứ bị đơn chỉ trình bày mà không còn chứng cứ

chứng minh nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà Y đã thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong 02 giấy nợ là do bà ký và không ai ép buộc.

Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*…". Xét thấy giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập hợp pháp, quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông Q, bà Th đã giao tài sản cho bà Y nhưng đến nay ông Ph, bà Y chưa trả tiền vay cho ông Q, bà Th là làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông Q, bà Th; vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 400.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét lời trình bày của bà Y việc vay tiền trên là để sử dụng vào việc trả nợ cho người khác và phục vụ cho việc sinh hoạt trong gia đình hằng ngày. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Ph và bà Y cùng liên đới trả cho ông Q, bà Th số tiền gốc là 400.0000.000 đồng là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 200.000.000 đồng kể từ ngày 03/5/2019 và số tiền 200.000.000 đồng kể từ ngày 10/6/2019 cho đến khi kết thúc vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu được thể hiện trong đơn khởi kiện. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi trên.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét. Đối với việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án sẽ khắc phục trong thời gian tới.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y phải chịu án phí với số tiền là 20.000.000 đồng. Ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 357, 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th đối với bị đơn ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Tạ Đức Ph và bà Danh Mỹ Y phải chịu án phí với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Nguyên đơn ông Trần Văn Q và bà Vương Thị Thanh Th không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Q, bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006464 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*

- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết